

PHẨM THỨ BA: BẢN TẾ RỒNG LẶNG HUYỀN DIỆU

Nói về bản Tế tức tánh Niết-bàn vô ngại của tất cả chúng sinh. Thế nào là bỗng dưng có tâm vọng và vô số các thứ điên đảo như thế? Chỉ vì một niệm mê lầm. Niệm ấy từ một dấy khởi, cái một đó thì từ nơi chẳng thể nghĩ bàn dấy khởi, mà nghĩ bàn tức là không có đối tượng để dấy khởi. Nên kinh chép: “Đạo mới đều sinh ra một. Một là vô vi, một sinh hai. Hai là vọng tâm. Do biết một tức chia làm hai. Hai sinh âm dương, âm dương là động tĩnh. Do dương là trong, âm là đục nên khí trong suốt bên trong vắng lặng là tâm. Khí đục bên ngoài ngưng đọng là sắc. Tức có hai pháp tâm, sắc. Tâm ứng hợp ở dương, dương ứng hợp ở động sắc, ứng hợp ở âm, âm ứng hợp ở tĩnh. Do tĩnh nên mới cùng với sự thần hóa tự nhiên (Huyền Tẩn) thông hợp. Trời đất giao hòa kết hợp, chính là chỗ tất cả chúng sinh đều bảm thọ khí vắng lặng của âm dương mà sinh. Vì thế do một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh ra muôn pháp. Đã duyên vào vô vi mà có tâm, lại duyên vào có tâm mà có sắc. Nên kinh chép: “vô số thứ tâm sắc”. Như thế thì tâm sinh muôn điều nghĩ, sắc khởi muôn mối. Nhân nghiệp hòa hợp nên thành hạt giống của ba cõi. Sở dĩ có ba cõi, là do chấp tâm là gốc, mê lầm bản tánh như nhiên (chân nhất). Tức có ô trước, nhục nhằn sinh ra khí vọng. Khí vọng được gạt lọc trở nên trong vắng là cõi Vô Sắc. Đó gọi là tâm. Đục được lắng dần, hiện rõ là cõi sắc, đó gọi là Thân. Phần cận đục như bản được phân tán là cõi Dục, đó gọi là trần cảnh. Kinh chép: “Ba cõi luống dối chẳng thật, chỉ một tâm vọng biến hóa.” Hễ trong có một sinh thì ngoài có vô vi. Trong có hai sinh thì ngoài có hữu vi. Trong có ba sinh tức ngoài có ba cõi. Đã có trong ngoài tương ứng nên sinh ra vô số các pháp và hàng sa phiến nảo. Nếu một chẳng sinh thì có vô vi. Nếu có người cho rằng ta đã chứng đắc vô vi tức là luống dối. Hai chẳng sinh thì không có hữu vi. Như có người nói ta đã chứng đắc hữu vi tức là luống dối. Nếu ba chẳng sinh thì không có ba cõi. Như có người bảo chắc chắn có ba cõi tức là luống dối. Do vậy kinh chép: “Có tức là quả của khổ. Không có tức là Niết-bàn. Những người thuộc Thanh văn chọn lấy sự chứng đắc vô vi, cũng như cái hữu dư của cái có. Cho đến Bồ-tát Thập Địa đều có chướng ngại nhỏ nhiệm là Trụ Địa vô minh. Vậy nên gọi một là vô vi, gọi hai là hữu vi, gọi ba là ba cõi. Nói về vô vi thì có hai thứ: một là chứng diệt vô vi, hai là tánh bản vô vi, chứng diệt vô vi, là tất cả các bậc Thánh tu tập đạo, dứt trừ chướng ngại, chứng thể như như. Kinh chỉ rõ: “Tất cả các bậc Thánh Hiền đều do pháp vô vi mà có tánh khác

nhau.” Tánh vốn vô vi là pháp như như xưa nay chẳng phải tu, chẳng phải chứng, chẳng phải là đối tượng sự kết hợp của người, chẳng phải là kết hợp của pháp, người và pháp vốn không thể làm thanh tịnh nghĩa đế độ nhất. Nên kinh chép: “Lý của thật tướng chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, chẳng phải bờ này, chẳng phải bờ kia, chẳng phải giữa dòng. Do chẳng phải hữu vi nên chẳng thể tu học, do chẳng phải vô vi nên chẳng thể chứng đắc. Nếu có tu có chứng thì chẳng phải là tánh vốn vô vi. Kinh chép: Tất cả các pháp chẳng sinh là gốc.” Gốc như chẳng sinh thì vô không sinh. Không sinh, chẳng sinh nên chẳng thể chứng. Vì sao? Như có chứng thì có sinh, nếu không chứng thì không sinh, nương dựa trời gốc nơi cõi cực Âm.

Phàm chẳng sinh tức là bản tế, chẳng hiện ra chẳng mất đi, cũng như hư không, chẳng vật nào so sánh được. Nhưng tất cả các pháp hữu vi đều luống dối chẳng thật, duyên dựa vào tướng giả mà có sự còn mất. Tân cùng nơi cội gốc quay về nơi gốc là thật tế, như tất cả chúng sinh đã đánh mất cái gốc ấy, bên ngoài thì cần tìm nẻo đi không đúng hướng, tu tập khổ cực nhiều kiếp mà chẳng tỏ ngộ được cõi chân. Vì thế, đem gốc tìm ngọn, ngọn là vọng chẳng phải chân, đem ngọn tìm gốc, gốc là hư chẳng phải thật. Hễ là gốc thì chẳng hợp với sự cần tìm. Vì sao? Vì gốc thì chẳng cần tìm nơi gốc, ví như vàng thì chẳng cần tìm vàng. Vọng chẳng hợp với việc tu tập. Vì sao? Vì vọng thì chẳng cần tìm vọng. Ví như hòn đất thì chẳng thể trở thành vàng được. Ôi pháp của thân tâm giả dối chẳng thật. Người thế gian phần nhiều lấy việc tu tập thân tâm để tìm đạo, khác nào hòn đất mà tìm kiếm vàng! Nếu bó buộc thân tâm tức là đạo thì vì sao bậc Thánh lại nói phải lìa bỏ thân tâm. Nên biết đó chẳng phải đạo. Nếu gốc là chân cũng chẳng hợp với việc tu tập, vì sao? Vì không có hai pháp. Nên bậc Thánh sinh mà chẳng có, tử mà chẳng không. Tức không có tâm vọng tưởng lấy bỏ, cái gọi là muôn sinh vạn chết là hoàn toàn chung, không riêng tư; pháp như như tự nhiên, trong ấy không có sự tạo tác của ngã. Chỉ do phàm ngu kia vọng tưởng, bên trong dấy khởi tâm mê lầm, phát sinh vô số kiến chấp, nên chẳng phải chân thật, chẳng thể thấu tỏ nẻo sáng. Nhưng “bản tế” ấy tự tánh là thanh tịnh, rất mực sâu mầu, thể không chút bụi cấu uế. Do vậy mà ngàn Thánh muôn hiền với muôn vạn ngôn từ biện luận, đều là sự giảng nói nhằm giáo hóa về nẻo chân, chẳng phải là sự giảng nói chân thật, vì giáo hóa chẳng phải giáo hóa. Vì thế, bản tế là vô danh, danh ở nơi vô danh. Bản tế là vô tướng, danh ở chỗ vô tướng. Danh tướng đã lập thì mê vọng liền sinh. Lý của bản tánh như như bị chìm khuất thì sự ở

tông chỉ của đạo cũng ẩn giấu. Chính vì vậy mà cái chân chất của vô danh thông hợp khắp tất cả, chẳng thể nói gọi, vượt quá mọi hạn lượng, cảnh giới, là một thể không hai. Nên kinh chép: “muôn hình vạn tượng là đối tượng in dấu của một pháp”. In dấu tức bản thể, nhưng lý của bản thể là chẳng phải tự mình, chẳng phải cái khác, chẳng phải là một, chẳng phải là khác, bao gồm cả phần khí chưa phân biệt, thâu tóm cả muôn vật. Như lại có người tự tánh thanh tịnh, hợp nhất mà sinh, trong ấy không có vọng tưởng, tức là bậc Thánh. Nhưng trong thật tế cũng không có pháp của bậc Thánh, như vi trần dấy lên mà có sự khác nhau, nếu lại có người tự tánh thanh tịnh, hợp nhất mà sinh, trong ấy có vọng tưởng, tự thể bị loạn, trước, tức là phàm phu. Nhưng trong thật tế cũng không có pháp của phàm phu. Như vi trần dấy lên mà có sự khác nhau. Kinh nói rõ: “Phật tánh bình đẳng, rộng lớn khó lường”. Phàm, Thánh chẳng hai, tất cả đều tròn đầy, gồm đủ cả cỏ cây, cùng khắp tới loài sâu kiến, cho đến vi trần, lông tóc, không gì là chẳng hợp nhất mà có. Nên kinh chép: “Thông hiểu có thể biết một mà muôn sự hoàn tất.” Do đó tất cả chúng sinh đều từ “Nhất thừa” mà sinh, nên gọi đó là Nhất thừa. Nếu mê lầm thì cho là khác, giác ngộ thì là một. Kinh chỉ rõ: “Niệm trước là phàm, niệm sau là Thánh”. Lại nói: “Một niệm là biết tất cả các pháp”. Như thế thì một là tất cả, tất cả tức là một. Nên cho rằng tất cả do công sức của một pháp mà thành muôn hình tượng. Kinh có câu: “Tất cả nếu có, có tâm tức mê, tất cả nếu không, không tâm thì gồm khắp mười phương. Nên cái chân nhất (Bản tánh như nhiên) là muôn sự khác nhau, muôn sự khác nhau là cái chân nhất. Ví như biển vọt lên muôn ngàn lớp sóng, ngàn lớp sóng ấy tức là biển. Nên tất cả đều là một, không có sự khác nhau. Hễ nói một tức là nhằm đối ứng với cái khác kia. Khác đã chẳng phải khác thì một cũng chẳng phải một. Chẳng phải một, chẳng một giả gọi là chân nhất. Về chân nhất thì ngôn từ chẳng thể gọi tên. Vì vậy, chẳng phải là một thấy một. Nếu có đối tượng được nhận thức tức là có hai, chẳng gọi là chân nhất. Lại như, chẳng gọi là biết một. Nếu một biết một thì gọi là hai, cũng chẳng gọi là một. Nếu có đối tượng được nhận biết thì có vô tri. Có biết, chẳng biết tức là có hai. Do đó nên trí lớn là không biết mà chẳng gì là không nhận biết. Thường biết rõ ràng. Thường biết không biết giả gọi là biết. Chẳng phải ngã, chẳng phải nơi chốn, chẳng phải tâm, chẳng phải ý. Hễ tính toán về các pháp hữu vi, thì có đối tượng được nhận thức. Nếu là pháp vô vi thì cũng giống như hư không chẳng có bến bờ giới hạn, tức không biết, chẳng biết. Ôi, bậc Thánh sở dĩ nói là biết, là vì có tâm, có tính toán, có tạo

tác, có pháp, nên có thể biết. Còn sở dĩ nói là không biết (Vô tri) là vì không tâm, không tính toán, không tạo tác, không pháp, nên không thể biết. Nếu dùng cái có biết nhận thức đối với cái không biết, thì đó là đều không thể được. Ví như có người suốt ngày nói về cái không, chỉ có người nói về không chứ chẳng phải là cái không kia giảng nói. Nếu dùng cái kia để nhận thức về cái không biết thì cũng giống như vậy. Nên bậc Thánh sở dĩ nói “Ta nhận biết” đều là do đối trị mê lầm mà nói bày sự việc, dứt bệnh trừ nghi, thật sự là không có hai chỗ biết, không biết. Sở dĩ nói là không biết là vì người ngu kia chẳng thông tỏ cõi chân nhất (Bản tánh như nhiên) tham chấp ngã, ngã sở, phân biệt lưỡng đối chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức, nên giảng nói về không nhận thức, không phân biệt. Hàng ngu muội kia được nghe thuyết giảng như vậy tức sẽ học hỏi về không nhận biết. (Vô tri) cũng giống như người ngu si kia được nghe như thế thì sẽ học hỏi về có nhận thức (Hữu tri). Do đó (Hữu Tri) sẽ có chướng ngại của (Hữu tri) cũng gọi là “Hữu tri”, “vọng tri”, sự nhận biết như vậy trở thành chẳng phải đạo. Nên kinh ghi rõ: “Chúng sinh gần gũi với các tri thức xấu ác, càng làm tăng thêm những tri kiến xấu ác”. Vì sao? Như các phái ngoại đạo kia trước thì nhận biết về vị lai, sau thì biết về quá khứ, khoảng giữa thì biết về thân tâm. Thân tâm chẳng thanh tịnh nên chẳng thoát khỏi sinh tử. Tất cả những người học hỏi về “Vô tri”, đều lìa bỏ “Hữu tri” mà học “Vô tri”, nhưng “Vô tri” tức là “Tri”, chỉ vì tự mình không nhận biết (Hữu giác). Hữu giác nên tâm sinh muôn điều lo nghĩ, ý dấy trăm suy, lại chẳng rời được khổ. Sự nhận thức ấy theo “Nhị kiến” đều chẳng thể thích ứng với thể rỗng lặng dung thông, kết hợp một cách sâu xa như lý, nên chẳng thể nhập vào cảnh giới chân thật. Hễ là chân thật thì lìa cả “Tri” và “Vô tri”, thường vượt quá tất cả mọi hạn lượng. Hễ thấy thì có phương, nghe thì có chốn, biết thì có tâm, tri thì có lượng. Đâu rõ “Bản Tế” là không phương, không chốn không tâm không lượng, tức không có thấy, nghe, hay biết. Sở dĩ ở cõi “chân nhất” không hai mà hiện ra chẳng giống nhau, hoặc có người, niệm Phật, Phật hiện, niệm Tăng, Tăng hiện. Nhưng đó chẳng phải Phật, chẳng phải phi Phật, nhưng hiện rõ ở Phật, cho đến chẳng phải tăng, chẳng phải phi tăng mà hiện rõ nơi Tăng. Vì sao? Vì người kia khi niệm, tâm mong cầu được hiện ra, nên chẳng biết đó là đối tượng chỗ hiện ra của tự tâm. Tính chất duyên khởi của bậc Thánh hoàn toàn là do cảnh giới bên ngoài mà có sự khác nhau, thật sự chẳng phải là Phật Tăng mà có khác nhau. Kinh chép: “Kẻ thấy cõi nước của Chư Phật và sắc thân mà cho là có được bấy nhiêu. Nhưng

với trí tuệ vô ngại thì không có huyền thuật hóa ra vô số các hình tượng màu sắc. Nhà ảo thuật kia lại si mê nên cho rằng trong cõi không ấy đã có các việc đó. Người niệm Phật, tăng cũng giống như vậy. Đối với pháp Không, có sức mạnh của thuật niệm tụng, hóa ra vô số sắc tướng, khởi kiến chấp vọng tưởng. Nên kinh cho rằng như người thợ bé nhỏ tài giỏi, ý như người có tài hòa hợp, nắm thức là bạn bè với vọng tưởng xem xét các thứ khéo léo kia. Ví như có người ở một chỗ rộng lớn, tự tạo ra các khuôn vuông tròn to nhỏ, tự nói là muốn cho dung dịch kim loại kia chảy vào khuôn của mình để thành các hình tượng. Thế thì chất vàng được nung chảy ấy tự thực hiện lấy công việc, tạo thành các hình tượng. Nhưng thật sự thì chất vàng dung hợp kia chẳng phải hình tượng, chẳng phải phi hình tượng mà hiện ra hình tượng. Việc niệm Phật, tăng kia cũng giống như thế, chất vàng dung hợp là như lớn, dụ cho đức Như lai. Các khuôn của pháp thân là dụ cho chúng sinh, hy vọng được thấy Phật nên dùng sự niệm Phật, các nhân duyên hòa hợp dấy khởi vô số các thứ thân tướng. Nhưng pháp thân kia chẳng phải hình tượng, chẳng phải phi hình tượng. Thế nào là “chẳng phải hình tượng”? Đó là gốc, là hình tướng vô định. Sao gọi là “chẳng phải chẳng hình tượng”. Vì các hình tướng là duyên khởi. Thế nên pháp thân chẳng hiện ra, chẳng phải chẳng hiện ra, lia tánh, không tánh, chẳng phải có, chẳng phải không, không tâm không ý, chẳng thể dùng tất cả mọi thứ để tính lượng. Chỉ vì phạm phu theo tâm mà có, tức sinh tướng về việc thấy Phật, hoàn toàn cho rằng ngoài tâm ấy có Phật, chẳng biết tự nơi tâm hòa hợp mà có. Hoặc có ý kiến cho rằng ngoài tâm không có Phật tức là hủy báng chánh pháp. Nên kinh chép: “Cảnh giới của bậc Thánh lia mọi thứ chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải chỗ có thể trình bày tính lượng”. Nếu chấp trước vào có không tức là lối nhận thức theo hai bên, cũng là luống dối. Vì sao? Vì vọng sinh nhị kiến là trái với chân lý. Ví như có người ở trong kho chứa kim loại, thường xem thể chất của kim loại mà chẳng thấy các hình tướng của nó. Tuy thấy được hình tướng cũng là một hình tướng giống với kim loại, tức chẳng bị lầm về hình tướng, là lia bỏ sự phân biệt, thường xem xét thể chất của kim loại không có lầm lẫn. Dụ cho các bậc “chân nhân” cũng giống như vậy, thường quán tưởng về “chân nhất” chẳng thấy các hình tướng.

Tuy thấy rõ các hình tướng thì cũng là chân nhất, xa lia mọi vọng tưởng, điên đảo về có không, an trụ trong cảnh giới chân thật, gọi là bậc Thánh. Nếu lại có người ở trong kho chứa kim loại, thường tấy các hình tướng, chẳng thấy thể chất kim loại, phân biệt thiện ác, dấy khởi vô số

kiến chấp, mà mất đi tánh của kim loại, nên có sự tranh luận, dụ cho người ngu si cũng giống như thế. Thường xem xét về sắc tướng nam nữ, tốt xấu, dấy lên muôn ngàn khác nhau. Tức mê lầm đối với cảnh tánh, chấp trước hình tướng của tâm, lấy bỏ yêu, ghét, dấy lên vô số điên đảo, trôi giạt theo dòng sinh tử, thọ nhận vô số thân hình, vọng tưởng về thế giới muôn hình tượng che khuất chỗ “chân nhất”. Do đó, người có hoài bão đối với đạo pháp, người quân tử đạt nhân thông hiểu, sáng suốt, thường xem xét chỗ sâu mầu xa lìa chốn phồn tạp, khế hợp với chân nhất, tương ứng với lý mầu. Ôi! Chỗ “chân nhất” thật khó diễn đạt. Dùng dụ để nói bày, như tông chỉ rốt ráo của đạo ngôn từ chẳng thể chỉ rõ được. Hễ mất tạo sự lãnh hội ở mắt tức sinh ra sự điên đảo của mắt. Mắt tạo ra không có sự lãnh hội của mắt, tức sinh ra không có sự điên đảo của mắt, đều là vọng tưởng. Nếu chấp có mắt tức mê ở không mắt. Do có mắt nên cái thấy mầu nhiệm chẳng thông tỏ. Kinh chép: “không mắt, không sắc, lại có mê lầm ở mắt.” Nên không mắt tức là mất đi mắt chân thật. Như người mù bẩm sinh chẳng thể giải thích màu sắc. Nên kinh chép: ví như người bị hỏng các căn, nên đối với năm thứ dục chẳng thể đạt được thuận lợi. Những người thuộc Thanh văn cũng giống như vậy, chỉ có đức như lai đạt được thiên nhãn chân thật, thường ở trong pháp tam-muội thấy các cõi nước của Chư Phật. Chẳng dùng hai tướng nên chẳng giống với “Hữu sở kiến” của phàm phu, đều có thể thấy nên chẳng giống với “Vô sở kiến” của Thanh văn. Hai lối nhận thức ấy là vọng kiến về có không. Nhưng trong cõi “chân nhất” thì thể tánh ấy chẳng phải có không, chỉ vì vọng tưởng luống dối tạo ra pháp có không. Bậc Thánh nói “Ta thấy rõ mọi thứ” hoặc nói là “chẳng thấy” chỉ nhằm phá trừ bệnh nên nói thấy, chẳng thấy, nhưng trong lý mầu của cõi “chân nhất” luôn lìa khỏi sự thấy, chẳng thấy vượt quá mọi hạn lượng, cảnh giới, mọi quả vị phàm Thánh. Nên có khả năng thấy rõ mọi thứ chẳng phải luống dối, vì thế, chẳng phải sắc pháp, nên chẳng phải đối tượng nhận thức của mắt pháp. Chỉ có mắt Phật thanh tịnh, chẳng phải thấy, chẳng phải chẳng thấy nên nhận thức một cách rốt ráo. Chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể tính lường. Phàm phu dứt hẳn phần, Nhị thừa trở thành quá nhỏ bé, Bồ-tát vẫn còn bị ngăn cách dù chỉ mỏng manh, nên biết Phật tánh khó có thể nhận thức. Tuy nhiên đúng như thế nên kinh cho rằng: “Phật tánh bao trùm khắp, không thể phàm Thánh.” Nhưng trong tự thân thể nhập cõi chân nhất. Điều phải tìm kiếm từ bên ngoài. Tức ngày đêm suy nghĩ sâu xa, nội tâm tự chứng đắc. Kinh nói rõ: “Quán về thật tướng của thân, quán về Phật cũng thế.”

Gọi là quán thật tướng của thân tức là một tướng. Một tướng ấy tức là tướng không. Nhưng đã là không, vô tướng nên chẳng cấu uế, chẳng thanh tịnh, chẳng phàm, chẳng Thánh, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải tà, chẳng phải chánh. Thể tánh vốn thường trụ, chẳng sinh chẳng diệt tức bản tế. Do đâu pháp thân của Như lai với mắt, tai, mũi, lưỡi, cho đến thân ý, nói chung là các căn đều cùng thể hiện diệu dụng? vì thể là “chân nhất”, do đó không có hạn lượng không có phân chia rõ rệt cố định tức pháp thân rộng lặng, hợp chung với tất cả không bị ngăn ngại. Còn do đâu như mắt, tai, v.v... của phàm phu chẳng hợp chung nên chẳng cùng hạn diệu dụng: Là vì các căn thường vọng tưởng phân biệt, ngăn cách, tinh thần có hạn lượng, phân chia rạch ròi, lý của “chân nhất” bị mê chấp nên chẳng cùng thể hiện diệu dụng. Nên kinh chép rằng: “Tư tưởng, nhận thức của phàm phu luôn bị mê vọng, chẳng hợp chung, chấp trước căn trần mà có vô số khác nhau”. Vì thế, bậc Thánh thông đạt “chân nhất” tức thuần là chân, chẳng khác. Vì không khác nên muôn vật cùng kết hợp mà sinh, tức muôn vật kia cũng là một. Vì sao? Vì gốc là một, tức chẳng hai. Ví như loại cây đàn sinh ra các thứ cành nhánh. Rốt cuộc chẳng phải là thứ gỗ của cây xuân, rõ ràng là chỗ “chân nhất” ấy tuy là một mà có vô số tên gọi. Dù có vô số tên gọi như rốt lại là đồng một nghĩa. Hoặc gọi là pháp tánh, pháp thân, chân như, thật tế, hư không, Phật tánh, Niết-bàn, pháp giới, cho đến bản tế, Như lai tạng, đối với vô lượng tên gọi như vậy đều là cách gọi khác của chân nhất, cùng dẫn đến một diệu nghĩa. Tóm lại, như tên của ba phẩm đã nói ở trước cũng giống như thế. Sao gọi là phẩm Quảng Chiếu? Là vì trí soi thấu hợp chung khắp cõi rộng lớn, mặt trời tuệ tỏa chiếu tròn đầy, bao gồm lý của sự vật rộng lặng thông hợp cả muôn loài, nên gọi là Quảng Chiếu. Sao gọi là phẩm Ly Vi? Đó là tánh gồm thấu chân lý, nguồn huyền diệu rốt ráo, thật tế bao la vốn thanh tịnh không chút cấu nhiễm, nên gọi là ly vi, còn thế nào là phẩm bản tế? Đây là lý mẫu của chân tánh như nhiên, thể hằng trong suốt chẳng phải tu tập mà có, tánh vốn rộng lặng, hợp chung, gồm thấu muôn vật, nên gọi là bản tế. Vì vậy hợp ba phẩm đã nói ở trước, là một nghĩa gồm thấu dẫn ra diệu dụng vô cùng nên gọi chung là kho báu, như thế là mở rộng về nghĩa của cửa muôn hình; luận bàn, nhận rõ về cội nguồn của muôn vật. Cõi hư không rộng lặng thông suốt, ứng hợp một cách sâu xa với lý mẫu. Về hình tướng thì thể hợp với cõi nhất chân. Về nhận biết thì sự tỏ ngộ kia thông suốt cả cõi huyền vi. Vậy nên, làm sáng tỏ lý như như của pháp giới, dốc hiển bày yếu chỉ của đạo lớn.